

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

*Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
đã được kiểm toán*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-3
Báo cáo Kiểm toán	4
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	5-21
Bảng cân đối kế toán	5-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9-22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Thủy điện Thác Bà, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) (EVN) theo quyết định số 349/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000069 ngày 31/03/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000069 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 05 năm 2008, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thị trấn Thác Bà – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị:

Ông Đại Ngọc Giang	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Chính	Ủy Viên	
Ông Nguyễn Quang Thắng	Ủy Viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2009
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Ủy Viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2009
Ông Nguyễn Xuân Nam	Ủy Viên	
Ông Lê Minh Tuấn	Ủy Viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2009
Ông Vũ Hoàng Chương	Ủy Viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2009

C

Các thành viên của Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Quốc Chính	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Khuất Minh Toàn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Hoài Linh	Trưởng Ban	
Ông Phạm Anh Tráng	Thành Viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2009
Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành Viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2009
Bà Đỗ Thị Vang	Thành Viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

Yên Bái, ngày 28 tháng 01 năm 2010
Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch

Yên Bái, ngày 28 tháng 01 năm 2010
TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Đại Ngọc Giang

Nguyễn Quốc Chính

Số :/2010/BC.KTTC-AASC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được lập ngày 28 tháng 01 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Ngô Đức Đoàn

Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Hoàng Anh Tuấn

Chứng chỉ KTV số: 0940/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		301.547.645.005	291.468.688.086
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	219.279.229.179	140.572.984.845
111	1. Tiền		62.957.137.632	42.060.984.845
112	2. Các khoản tương đương tiền		156.322.091.547	98.512.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	20.900.000.000	113.752.073.417
121	1. Đầu tư ngắn hạn		20.900.000.000	113.752.073.417
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		46.978.370.995	23.416.184.152
131	1. Phải thu khách hàng		12.523.481.110	15.198.442.710
132	2. Trả trước cho người bán		31.542.863.733	598.039.122
135	3. Các khoản phải thu khác	5	2.912.026.152	8.007.143.785
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	(387.441.465)
140	IV. Hàng tồn kho	6	14.031.655.236	13.437.563.590
141	1. Hàng tồn kho		14.034.504.381	13.440.412.735
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(2.849.145)	(2.849.145)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		358.389.595	289.882.082
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		9.451.000	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		348.938.595	289.882.082
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		562.172.423.652	559.823.708.570
220	II. Tài sản cố định		527.807.423.652	559.823.708.570
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	477.669.421.931	518.624.500.753
222	- Nguyên giá		1.173.217.055.057	1.169.924.366.598
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(695.547.633.126)	(651.299.865.845)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	19.993.316.400	19.993.316.400
228	- Nguyên giá		19.993.316.400	19.993.316.400
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	30.144.685.321	21.205.891.417
			-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	34.365.000.000	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		34.365.000.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		863.720.068.657	851.292.396.656

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		78.540.597.597	58.689.863.054
310	I. Nợ ngắn hạn		46.894.974.812	58.520.974.049
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	9.508.593.000
312	2. Phải trả người bán		6.960.289.026	1.587.070.357
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	14.702.438.159	6.925.790.182
315	4. Phải trả người lao động		2.673.512.474	8.916.210.799
316	5. Chi phí phải trả	12	11.382.462.206	2.199.273.707
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	11.176.272.947	29.384.036.004
330	II. Nợ dài hạn		31.645.622.785	168.889.005
334	1. Vay và nợ dài hạn	14	31.439.077.000	-
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		206.545.785	168.889.005
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		785.179.471.060	792.602.533.602
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	783.639.226.264	792.207.398.808
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		6.064.731.217	2.736.794.691
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(314.447.955)	-
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		55.208.926.711	29.385.459.517
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		2.407.790.814	852.699.199
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		85.272.225.477	124.232.445.401
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		1.540.244.796	395.134.794
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.540.244.796	395.134.794
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		863.720.068.657	851.292.396.656

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		149.573.952	
005	5. Ngoại tệ các loại (USD)		672.310,91	32.310,91

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Mạnh

Lê Đức Tuấn

Nguyễn Quốc Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2009 VND	2008 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	208.994.642.783	244.627.942.499
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		208.994.642.783	244.627.942.499
11	3. Giá vốn hàng bán	17	74.221.774.387	70.474.033.715
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		134.772.868.396	174.153.908.784
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	17.735.015.923	17.781.635.871
22	7. Chi phí tài chính	19	5.521.119	51.530.439
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		5.521.119	51.530.439
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		11.100.234.144	14.077.525.509
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		141.402.129.056	177.806.488.707
31	11. Thu nhập khác		159.834.439	713.333.940
32	12. Chi phí khác		30.885.519	331.177.456
40	13. Lợi nhuận khác		128.948.920	382.156.484
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		141.531.077.976	178.188.645.191
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	11.799.185.123	15.865.243.612
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>129.731.892.853</u>	<u>162.323.401.579</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	2.043	2.556

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Mạnh

Lê Đức Tuấn

Nguyễn Quốc Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	T.min	2009	2008
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		141.531.077.976	178.188.645.191
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		44.688.459.281	47.282.425.913
03	- Các khoản dự phòng		(387.441.465)	379.923.194
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			21.761.290
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.774.631.175)	-
06	- Chi phí lãi vay		5.521.119	51.530.439
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		174.062.985.736	225.924.286.027
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(23.233.801.891)	36.123.360.019
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(594.091.646)	41.387.058
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(18.294.578.309)	(2.489.067.185)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(9.451.000)	-
13	- Tiền lãi vay đã trả		(5.521.119)	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.643.706.613)	(16.516.848.180)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.490.507.440)	(27.910.668.152)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		123.791.327.718	215.172.449.587
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.612.824.021)	(9.822.726.417)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	444.192.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(113.752.073.417)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(55.265.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		113.752.073.417	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.774.631.175	11.221.133.389
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		66.648.880.571	(111.909.474.445)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		31.439.077.000	9.508.593.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(9.508.593.000)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(133.350.000.000)	(57.010.146.396)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(111.419.516.000)	(47.501.553.396)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		79.020.692.289	55.761.421.746
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		140.572.984.845	84.783.354.929
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(314.447.955)	28.208.170
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		219.279.229.179	140.572.984.845

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Mạnh

Lê Đức Tuấn

Nguyễn Quốc Chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Thủy điện Thác Bà, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) (EVN) theo quyết định số 349/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Thị trấn Thác Bà – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp Năng lượng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm 2009, Công ty vẫn duy trì tốt hoạt động kinh doanh chính là sản xuất bán điện thương phẩm cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Tuy nhiên doanh thu của năm 2009 bị giảm sút so với năm tài chính trước vì sản lượng điện khai thác phụ thuộc vào lưu lượng nước và thời tiết. Do ảnh hưởng của việc thay đổi đơn giá tính thuế đơn vị tài nguyên năm 2009 tăng từ 750 VND lên 940 VND làm cho giá vốn tăng khoảng 1,49 tỷ đồng.

Trong năm 2009, Công ty đã thu hồi tiền Ủy thác quản lý vốn cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực và thực hiện đầu tư góp vốn vào Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2 của Công ty Cổ phần nhiệt điện Hải Phòng. Dự án này hiện đang trong giai đoạn đầu tư.

Năm 2009, Công ty cũng được thụ hưởng chính sách ưu đãi giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là một phần trong các giải pháp ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Công văn chấp nhận số 744/BTC-CĐKT ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10-50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05-10 năm |

- Phương tiện vận tải	09-15 năm
- Thiết bị văn phòng	05-10 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí lãi vay trong kỳ theo lãi vay thực tế phát sinh của khoản vay cho hoạt động đầu tư của dự án.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính:

- Đặt báo (phân bổ theo thời gian).

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Công văn chấp nhận số 744/BTC-CĐKT ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính. Chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh đồng thời ghi nhận tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả. Các khoản chi phí sửa chữa lớn ghi nhận vào chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả trên sẽ được tất toán khi các công trình sửa chữa lớn được phê duyệt quyết toán.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Từ năm 2009, việc xử lý các khoản đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được ghi nhận theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính.

	Năm 2009	Năm 2008
Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống)	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.
Công nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính.	

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được ghi nhận theo hóa đơn phát hành của bộ phận bán hàng;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Theo Công văn số 4023/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 23 tháng 10 năm 2008 về chính sách ưu đãi thuế gửi Cục thuế tỉnh Yên Bái thì Công ty Cổ phần thủy điện Thác Bà được miễn thuế 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty đăng ký từ năm 2006) và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Cũng theo Công văn này, trong 10 năm kể từ khi thành lập và bắt đầu hoạt động kinh doanh Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 01 năm 2009 về hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty Cổ phần thủy điện Thác Bà thuộc doanh nghiệp nhỏ và vừa (*số lao động không quá 300 người*) và được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm

3 . TIỀN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	302.524.823	454.475.307
Tiền gửi ngân hàng	62.654.612.809	41.606.509.538
Các khoản trong đường tiền	156.322.091.547	98.512.000.000
	219.279.229.179	140.572.984.845

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	20.900.000.000	113.752.073.417
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình)</i>	20.900.000.000	-
<i>Ủy thác quản lý vốn cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực</i>	-	113.752.073.417
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-
Cộng	20.900.000.000	113.752.073.417

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu khác	2.912.026.152	8.007.143.785
	2.912.026.152	8.007.143.785

Phải thu khác cuối kỳ trong đó bao gồm Dự tính lãi hưởng của các khoản tiền gửi có kỳ hạn trong năm 2009 là 2.082.376.581 đồng

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	5.060.328.669
Nguyên liệu, vật liệu	13.525.939.669	8.140.187.617
Công cụ, dụng cụ	508.564.712	239.896.449
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(2.849.145)	(2.849.145)
	14.031.655.236	13.437.563.590

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả -

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm -

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	627.530.454.181	522.873.781.659	14.739.661.946	4.780.468.812	1.169.924.366.598
Số tăng trong kỳ	345.043.933	2.144.214.854	1.216.885.482	27.236.190	3.733.380.459
- Mua trong kỳ		1.309.187.000	1.140.600.768	27.236.190	2.477.023.958
- Xây dựng mới	345.043.933	835.027.854			1.180.071.787
- Tăng khác			76.284.714		76.284.714
Số giảm trong kỳ			440.692.000		440.692.000
- Thanh lý, nhượng bán			440.692.000		440.692.000
Số dư cuối kỳ	627.875.498.114	525.017.996.513	15.515.855.428	4.807.705.002	1.173.217.055.057
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	275.126.425.756	361.990.132.272	9.538.268.885	4.645.038.932	651.299.865.845
Số tăng trong kỳ	18.960.982.499	24.337.116.688	1.511.672.177	197.223.292	45.006.994.656
- Khấu hao trong kỳ	18.960.982.499	24.337.116.688	1.193.136.802	197.223.292	44.688.459.281
- Tăng khác			318.535.375		318.535.375
Số giảm trong kỳ			440.692.000	318.535.375	759.227.375
- Thanh lý, nhượng bán			440.692.000		440.692.000
- Giảm khác				318.535.375	318.535.375
Số cuối kỳ	294.087.408.255	386.327.248.960	10.609.249.062	4.523.726.849	695.547.633.126
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	352.404.028.425	160.883.649.387	5.201.393.061	135.429.880	518.624.500.753
Tại ngày cuối kỳ	333.788.089.859	138.690.747.553	4.906.606.366	283.978.153	477.669.421.931

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	19.993.316.400	19.993.316.400
Số tăng trong kỳ		
Số giảm trong kỳ		
Số dư cuối kỳ	19.993.316.400	19.993.316.400
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ		
Số tăng trong kỳ		
Giảm trong kỳ		
Số dư cuối kỳ		
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	19.993.316.400	19.993.316.400
Tại ngày cuối kỳ	19.993.316.400	19.993.316.400

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng các mảnh đất rộng 84.948,6 m² và 60.287 m² được giao trên tổng diện tích thực tế sử dụng là 186.301,7 m². Giá trị Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được xác định khi Công ty đánh giá lại giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa năm 2005, đã được phê duyệt tại Quyết định số 2343/QĐ-TCKT ngày 18/7/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc "Xác định giá trị Công ty Thủy điện Thác Bà thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam để cổ phần hóa".

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	18.958.328.833	19.006.617.710
- <i>Nâng cấp và HDH hệ thống đo lường, điều khiển</i>	17.076.954.291	16.231.060.511
- <i>Xây dựng cơ bản dở dang khác</i>	841.434.545	623.056.996
- <i>Dự án Đại Tu phục hồi tổ máy số 3</i>	1.039.939.997	-
- <i>Trạm bảo vệ CT62</i>	-	2.152.500.203
Sửa chữa lớn Tài sản cố định	11.186.356.488	2.199.273.707
- <i>Đại tu hệ thống phân phối điện</i>	582.594.818	322.055.846
- <i>Đại Tu đập chính</i>	6.029.862.786	1.877.217.861
- <i>Sửa chữa lớn Tài sản cố định khác</i>	1.738.712.380	-
- <i>Trung tu tổ máy số 1</i>	1.609.655.041	-
- <i>Đại Tu hai cần cầu</i>	238.417.687	-
- <i>Đại tu tổ máy số 2</i>	204.343.137	-
- <i>Đại tu MBA T3</i>	782.770.639	-
Cộng	30.144.685.321	21.205.891.417

Dự án Đầu tư Đại tu phục hồi tổ máy số 3 Nhà máy thủy điện Thác Bà được triển khai trong năm 2009 theo Quyết định số 823/QĐ-TĐTB-HĐQT của Hội đồng quản trị với tổng mức đầu tư là 188.342.650.000 VND bằng nguồn vốn khấu hao cơ bản, vốn đầu tư phát triển và vốn vay. Thời gian triển khai dự án bắt đầu từ quý IV/2009 đến quý III/2010. Dự án do Công ty Cổ phần Lilama 10 cung cấp thiết bị và thi công.

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	34.365.000.000	-
- <i>Đầu tư cổ phiếu</i>	34.365.000.000	-
Cộng	34.365.000.000	-

Theo hợp đồng góp vốn số 919/HĐGV- NHHP giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà với Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng, Công ty cam kết đầu tư góp vốn số tiền 50 tỷ đồng với tỷ lệ 1% để trở thành một trong các cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Tại ngày 31/12/2009, Công ty đã góp vốn 34,365 tỷ đồng, số tiền cam kết góp tiếp 15,635 tỷ đồng.

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.859.357.228	1.654.277.127
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.820.144.935	4.581.767.687
Thuế thu nhập cá nhân	78.431.354	281.086.668
Thuế tài nguyên	944.504.642	408.658.700
	14.702.438.159	6.925.790.182

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	11.186.356.488	2.199.273.707
Chi phí triển khai hợp đồng (<i>lãi vay dự trả</i>)	90.824.000	-
Chi phí phải trả khác (<i>bảo trì thang máy, vệ sinh phát dọn</i>)	105.281.718	-
	11.382.462.206	2.199.273.707

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	8.508.143	44.380.976
Kinh phí công đoàn	142.571.838	228.479.057
Bảo hiểm xã hội	29.306.013	14.971.321
Bảo hiểm y tế	12.338.363	12.187.285
Cổ tức phải trả	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.983.548.590	29.084.017.365
- <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>10.705.538.700</i>	<i>28.591.407.000</i>
- <i>Phải trả khác</i>	<i>278.009.890</i>	<i>492.610.365</i>
	11.176.272.947	29.384.036.004

14 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay dài hạn	31.439.077.000	-
Vay dài hạn Công ty tài chính cổ phần Điện lực	31.439.077.000	-
Cộng	31.439.077.000	-

Trong đó, các khoản vay dài hạn gồm:

<i>Đơn vị tính: 1.000.000 VND</i>							
Số HĐ vay	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Số dư nợ gốc phải trả kỳ tới	Phương thức bảo đảm khoản vay
60/2009/HĐTD-DH-DN/TCDL	Công ty tài chính cổ phần điện lực	LSTK 12T + 3%	48 tháng	130.500	31.439	-	Bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai bằng vốn vay và vốn tự có của công ty (tổ máy số 3)
	Cộng			130.500	31.439	-	

Mục đích vay vốn: thực hiện dự án đầu tư Đại tu phục hồi tổ máy số 3 - Nhà máy Thủy điện Thác Bà theo phê duyệt dự án tại Quyết định số 823/QĐ-TĐTB-HĐQT ngày 17/07/2009 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Thủy điện Thác Bà.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009	Tỷ lệ	01/01/2009	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	342.900.000.000	54,00%	476.250.000.000	75,00%
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	190.500.000.000	30,00%	323.850.000.000	51,00%
- Tổng công ty Đầu tư v& KD vốn Nhà nước	152.400.000.000	24,00%	152.400.000.000	24,00%
Do Pháp nhân khác và thể nhân nắm giữ	292.100.000.000	46,00%	158.750.000.000	25,00%
	635.000.000.000	100%	635.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2009	2008
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	635.000.000.000	635.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	635.000.000.000	635.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	133.350.000.000	73.660.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia theo KQKD năm 2007	-	35.560.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia theo KQKD năm 2008	88.900.000.000	38.100.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia theo KQKD năm 2009	44.450.000.000	-

đ) Cổ phiếu

	31/12/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.500.000	63.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	63.500.000	63.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	63.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	63.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	63.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2009	01/01/2009
Quỹ đầu tư phát triển	55.208.926.711	29.385.459.517
Quỹ dự phòng tài chính	2.407.790.814	852.699.199
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	57.616.717.525	30.238.158.716

- Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng qui mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

- Quỹ dự phòng tài chính nhằm đảm bảo cho doanh nghiệp có thể hoạt động bình thường khi gặp rủi ro, thua lỗ trong kinh doanh, hoặc đề phòng những tổn thất, thiệt hại bất ngờ do những nguyên nhân khách quan, bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, sự biến động về kinh tế, tài chính trong nước, ngoài nước.

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2009	2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	208.994.642.783	244.627.942.499
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
	208.994.642.783	244.627.942.499

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2009	2008
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	74.221.774.387	70.474.033.715
	74.221.774.387	70.474.033.715

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009	2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.735.015.923	17.753.427.701
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	28.208.170
	17.735.015.923	17.781.635.871

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2009	2008
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.521.119	51.530.439
	5.521.119	51.530.439

20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2009	2008
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.799.185.123	15.865.243.612
	11.799.185.123	15.865.243.612

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau

	2009	2008
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	129.731.892.853	162.323.401.579
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	129.731.892.853	162.323.401.579
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	63.500.000	63.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.043	2.556

21 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2009 VND	2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.585.742.824	1.133.382.318
Chi phí nhân công	17.208.280.917	20.344.338.256
Chi phí khấu hao TSCĐ	44.666.894.039	47.282.425.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.241.535.097	1.938.400.717
Chi phí khác bằng tiền	19.619.555.654	13.853.012.020
	85.322.008.531	84.551.559.224

22 . NHỮNG SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Tờ trình số 108/TTr/TĐTB ngày 22/01/2010 về việc Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện; tiền thưởng ATĐ; Quỹ tiền lương cấu Chủ tịch HDDQT, Tổng Giám đốc, thù lao của thành viên không chuyên trách HĐQT và Ban Kiểm soát, theo kết quả SXKD năm 2009 và Quyết định số 109/QĐ/TĐTB-HĐQT ngày 27/01/2010 về việc Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện theo kết quả SXKD năm 2009. Quỹ tiền lương trong năm 2009 của Công ty đã được điều chỉnh tăng thêm vào chi phí trong kỳ với số tiền là 1.478.131.870 đồng

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng Cân đối kế toán			
Các khoản tương đương tiền	112	98.512.000.000	
Tiền	111		98.512.000.000

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Mạnh

Lê Đức Tuấn

Nguyễn Quốc Chính

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phôi	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	635.000.000.000	259.232.384	-	15.737.138.218	175.001.608	54.531.368.427	705.702.740.637
- Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	178.188.645.191	178.188.645.191
- Tăng khác	-	2.477.562.307	-	16.125.883.606	677.697.591	-	19.281.143.504
- Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	2.477.562.307	-	108.487.568.217	110.965.130.524
Số dư cuối kỳ trước	635.000.000.000	2.736.794.691	-	29.385.459.517	852.699.199	124.232.445.401	792.207.398.808
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	129.731.892.853	129.731.892.853
- Tăng khác	-	3.327.936.526	-	29.151.403.720	1.555.091.615	-	34.034.431.861
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	314.447.955	-	-	-	314.447.955
- Giảm khác	-	-	-	3.327.936.526	-	168.692.112.777	172.020.049.303
Số dư cuối kỳ này	635.000.000.000	6.064.731.217	(314.447.955)	55.208.926.711	2.407.790.814	85.272.225.477	783.639.226.264